

Bản án số: 84/2019/HS-ST

Ngày: 17/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Toại và bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Bá Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Trần Đỗ Minh D**, tên gọi khác: Dũng ác; sinh ngày 27/10/1978 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 77 Trần Huy L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Số 1/36 Nguyễn Chí Thanh, Phú Cát, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Đỗ Thị P; có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; có 03 con; về nhân thân: Năm 1995 và 1996 bị Công an xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 15/5/2018 bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 17/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Tiến L**, tên gọi khác: Tồ; sinh ngày 04/02/1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 3, Khu vực 1, Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tiến L và bà Nguyễn Thị Hồng L; bị cáo đã ly hôn vợ là Nguyễn Thị Mỹ Hòa; có 01 người con sinh năm 2015; về nhân thân: Ngày 25/3/2010 bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Lý Quốc A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 225 Nguyễn Sinh C, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Hữu H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 131 Nguyễn Văn L, phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt tại phiên tòa.

- Anh Võ Đại Phú C, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 102 Nguyễn Chí T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Văn Á, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 6/96 Đào Duy Anh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 423 Tăng Bạt Hổ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa.

***Người làm chứng:**

Anh Tôn Thất Minh T; nơi cư trú: Số 92 Hoàng Thị Loan, thành phố Huế; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa;

Cáo trạng số 86/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố hành vi của các bị cáo như sau:

Khoảng tháng 8/ 2018, Trần Tiến L thường xuyên về nhà Trần Đỗ Minh D chơi. Vì không có giấy tờ cá nhân nên D nhờ L đi thuê giúp 01 chiếc xe mô tô, còn tiền thuê để D trả, mục đích thuê xe là để D đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và trả nợ. L đồng ý, ngày 12/9/2018, L lấy hộ khẩu, chứng minh nhân dân của mình đi đến địa chỉ 255 đường Nguyễn Sinh Cung, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế gặp anh Lý Quốc A thuê 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển số 75H1-162.99 với thời hạn 10 ngày, giá thuê 100.000 đồng/ngày. Sau khi thuê được xe, L đem về giao cho D, D đã đem đến 102 Nguyễn Chí Thanh, phường Phú Hiệp gặp anh Võ Đại Phú C cầm cố lấy 10.000.000 đồng. Sau đó, D đã điện thoại cho anh C xin cầm thêm 1.000.000 đồng và nhờ L đi lấy. Tiền cầm cố được D khai cho L 2.000.000 đồng để ra Quảng Trị thăm con; 5.000.000 đồng đưa L trả tiền thuê xe, mua ma túy sử dụng và trả nợ tiêu xài chung với nhau; số còn lại D trả nợ và tiêu xài hết. L khai chỉ nhận từ D 2.000.000 đồng.

Khoảng 01 tháng sau không thấy D đến chuộc xe, nên anh C tìm gặp D yêu cầu trả tiền lại để lấy xe về. Vì không có tiền nên D xin anh C cho D lấy xe ra đi cầm cố chỗ khác để lấy tiền trả cho anh C. Anh C đồng ý. Sau đó, D giao xe cho bạn là Nguyễn Văn Á đi cùng với bạn của Á là Nguyễn Văn H đem xe đi cầm cố cho anh Lê Hữu H lấy 12.600.000 đồng, đã trừ lãi trước là 1.400.000 đồng. Sau đó, D trả tiền taxi 200.000 đồng và cho Á 200.000 đồng, trả cho anh C 11.000.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Airblade màu đen vàng, biển số 75H1-162.99; 01 hợp đồng thuê xe mô tô lập ngày 12/9/2018 giữa Lý Quốc A và Trần Tiến L; 01 giấy bán xe giữa Đặng Thị Tường V và Võ Đức N ngày 23/8/2018; 01 CMND và 01 giấy đăng ký xe mang tên Võ Đức N; 01 CMND mang tên Trần

Tiến L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Hồng L; 01 CMND mang tên Nguyễn Văn H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 01 xe mô tô hiệu Airblade màu đen vàng, biển số 75H1-162.99 có giá 27.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô, giấy bán xe giữa Đặng Thị Tường V và Võ Đức N, 01 CMND và 01 giấy đăng ký xe mang tên Võ Đức N cho anh Lý Quốc A; trả lại 01 CMND mang tên Trần Tiến L và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Hồng L cho Trần Tiến L

Đối với hợp đồng thuê xe máy lập ngày 12/9/2018 giữa Lý Quốc A và Trần Tiến L tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ để đảm bảo việc xét xử.

Đối với CMND mang tên Nguyễn Văn H, do H không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra Công an thành phố Huế tiếp tục tạm giữ để xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lý Quốc A đã nhận lại tài sản và tiền thuê xe đầy đủ do L bỏ ra 3.000.000 đồng và D 1.000.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Anh Lê Hữu H tại phiên tòa tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự.

Đối với hành vi mua ma túy để sử dụng của D và L, quá trình điều tra chưa làm rõ được nên chưa đủ cơ sở để xử lý, khi nào cơ quan điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với các anh Võ Đại Phú C, Lê Hữu H khi nhận cầm cố xe mô tô đều không biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự; công an thành phố Huế đã xử phạt anh C và anh H mỗi người 3.500.000 đồng về hành vi “Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu hợp pháp nhưng không có các loại giấy tờ đó”.

Đối với Lê Văn H và Nguyễn Văn Á là những người đi cầm cố xe giúp bị cáo Dũng, nhưng hiện tại cả hai đều không có mặt tại địa phương, khi nào cơ quan điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 86/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố các bị cáo Trần Đỗ Minh D và Trần Tiến L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đỗ Minh D và xử phạt bị cáo Trần Đỗ Minh D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Tiến L và xử phạt bị cáo Trần Tiến L từ 09 tháng đến 01 năm tù; về dân sự: Không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét; về án phí buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình theo đúng như Cáo trạng đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Huế, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Do cần tiền trả nợ và tiêu xài nên Trần Đỗ Minh D rủ rê, bàn bạc và nhờ Trần Tiến L thuê 01 xe mô tô để mang đi cầm cố lấy tiền. Ngày 12/9/2018 tại địa chỉ 255 đường Nguyễn Sinh Cung, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Trần Tiến L đã thuê của anh Lý Quốc A 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75H1-162.99 trị giá 27.000.000 đồng rồi đưa xe mô tô về cho Trần Đỗ Minh D để đem cầm cố.

Với hành vi như đã nêu trên, các bị cáo Trần Đỗ Minh D, Trần Tiến L đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố các bị cáo tại bản cáo trạng số 86/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng lời nói gian dối để thuê xe mô tô của người khác để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xét xử nghiêm để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần phân hóa vai trò, mức độ hành vi và nhân thân của từng bị cáo để có hình phạt tương xứng và phù hợp. Trong vụ án này, Trần Đỗ Minh D là người khởi xướng, rủ rê Trần Tiến L thuê xe mô tô để mang đi cầm cố và là người trực tiếp mang xe đi cầm cố, sử dụng số tiền chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo L nên phải chịu trách nhiệm chính; Trần Tiến L là người trực tiếp đi thuê xe mang về cho D để đi cầm cố nên là đồng phạm thực hành.

[4] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Đỗ Minh D đang có tiền án, nên lần phạm tội này đã phạm vào tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Tiến L không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo được hưởng tình tiết bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Tiến L được hưởng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lý Quốc A, anh Lê Hữu H không yêu cầu các bị cáo bồi thường, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ hợp đồng thuê xe máy lập ngày 12/9/2018 giữa Lý Quốc A và Trần Tiến L để đảm bảo xét xử.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Trần Đỗ Minh D và Trần Tiến L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đỗ Minh D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/01/2019.

Tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam trong thời hạn 45 ngày đối với bị cáo Trần Đỗ Minh D kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Tiến L 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú 45 ngày đối với bị cáo Trần Tiến Liêm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Đỗ Minh D và Trần Tiến L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp TT Huế;
- PV06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CA thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Các bị cáo, NBH, NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA, THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mộng Trinh